

— Xã Nham sơn, gồm các xóm: Dấu trâu, Kem Thượng, Kem Hạ, Kem Trung, Dục Phương, Minh Đức, Phan Lôi Cho, Phan Lôi Núi, Lang núi Trung, Lang núi hạ, Dục sơn Thượng, Dục sơn hạ, Phan Lôi đông.

**Điều 3.** — Chia xã Trương sơn, huyện Lục nam cùng tỉnh, làm hai xã:

— Xã Trương sơn, gồm các xóm: Diêm, Rén, Che nhân Ly, Muc, Chan, Đình chày, Đông, Diên, Cho, Khuống Liêng, Trai ỏi, Đông thiện, Vua Bà.

— Xã Bắc sơn, gồm các xóm: Cầu giây, Ao vè, Đông Mân, Đông Lèn, Dục Ry, Tranh, Gia ca, Long viên, Đông quân, Trai Lan, Hồ, Ao, Sen, Trai Gang, Bac mong, Đông ma, Gàng.

**Điều 4.** — Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc giang, ông Giám đốc Vụ Tổ chức chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 23 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

**NGHỊ ĐỊNH số 147-NV ngày 28-4-1958  
cho phép Hội Phật giáo thống nhất  
Việt-nam thành lập và hoạt động.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ luật số 102-SL/L 004 ngày 20-5-1957 quy định quyền lập hội;

Căn cứ nghị định số 258-TTg ngày 14-6-1957 quy định chi tiết thi hành luật số 102-SL/L 004 nói trên;

Căn cứ đơn ngày 28-3-1958 của Ban Vận động thành lập hội Phật giáo Thống nhất Việt-nam,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Hội Phật giáo Thống nhất Việt nam được phép thành lập và hoạt động trong phạm vi luật lệ hiện hành và điều lệ của Hội đã được duyệt, đình theo Nghị định này.

**Điều 2.** — Ủy ban Hành chính Hà-nội và các ông Chánh văn phòng, Giám đốc vụ Dân chính Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 28 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 28-TC/SM ngày 21-3-1958 về việc quy định trách nhiệm quản lý đê cống ở đồng muối.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Ủy ban Hành chính Liên khu 3, 4, Tây ngạn,

Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng,

Ủy ban Hành chính các tỉnh Thanh-hóa, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng bình, Nam định, Thái bình, Kiến an, Hồng quang.

Từ trước đến nay, hàng năm ở các đồng muối, đã làm một số công trình thủy lợi phục vụ cho việc sản xuất muối do ngành Thủy lợi và Kiến trúc trực tiếp phụ trách. Những công trình này gồm các việc bồi đắp đê bảo vệ đồng muối, xây cống để lấy nước mặn vào ruộng, phòng nước mưa, vớt sông nạo lạch trong đồng muối. Như vậy có những công trình làm mới hoặc chỉ tu bổ, sửa chữa và mỗi năm phải sử dụng một số kinh phí khá lớn do quỹ trung ương và địa phương đài thọ.

Song khi thực hiện nhiệm vụ trên, sự phối hợp giữa các ngành chưa được chặt chẽ; nhiệm vụ quyền hạn chưa được quy định một cách rõ ràng giữa cơ quan Muối và các ngành Thủy lợi và Kiến trúc, ngành Giao thông, do đó việc theo dõi, đón đốc, kiểm tra thực hiện kế hoạch kém chu đáo.

Để tránh những thiếu sót đã mắc phải, Bộ Tài chính, Bộ Thủy lợi và Kiến trúc, Bộ Giao thông, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã phối hợp nghiên cứu và quy định trách nhiệm của các ngành trong việc quản lý đê cống ở đồng muối. Theo công văn số 901-CN ngày 28-2-1958 (bản sao kèm theo) Thủ tướng phủ đã đồng ý với những quy định ấy, cụ thể như sau:

— Bộ Tài chính (Sở Muối trung ương) là đơn vị kiến thiết khai thác có nhiệm vụ đề xuất chủ trương và hướng củng cố đê cống đồng muối, định kế hoạch xây dựng hàng năm cho mỗi địa phương.

— Dựa theo chủ trương và yêu cầu của Bộ Tài chính, Bộ Thủy lợi và Kiến trúc hay Bộ Giao thông Bưu điện tổ chức nghiên cứu khảo sát, đề ra chủ trương kỹ thuật, thiết kế, lập đồ án, lập dự toán, Bộ Tài chính xin Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ghi vào kế hoạch.

— Bộ Thủy lợi và Kiến trúc hay Bộ Giao thông đảm nhiệm thi công, tổ chức công trường xây dựng. Trong Ban chỉ huy công trường sẽ có đại diện cơ quan Muối cấp tương đương để phối hợp công tác nhằm đảm bảo kỹ thuật xây dựng và kỹ thuật quản lý khai thác các công trình sau này.



Các công việc tu bổ thông thường không đòi hỏi kỹ thuật nhiều như đắp bờ quai, bồi trúc đê (khối lượng đất ít), làm cống gỗ nhỏ thì cơ quan Muối phối hợp chặt chẽ với chính quyền và đoàn thể địa phương vận động nhân dân tự làm nhưng cần có sự tham gia ý kiến của cơ quan thủy lợi địa phương để đảm bảo về phương diện kỹ thuật.

— Về quản lý công trình, chính quyền địa phương, ngành Muối có nhiệm vụ lãnh đạo dân làm muối chăm sóc và bảo vệ các công trình trong phạm vi đồng muối. Nếu có hư hỏng, cơ quan quản lý muối sẽ cho Ty Thủy lợi và kiến trúc hay Ty Giao thông biết rõ tình hình để có chủ trương kỹ thuật và kế hoạch tu bổ hay bảo vệ kịp thời. Ngành Thủy lợi và kiến trúc giúp đỡ về kỹ thuật đóng mở cống và đào tạo cán bộ thủ công cho ngành muối.

Để công tác quản lý đê cống được tốt, Bộ yêu cầu các Ủy ban lãnh đạo các ngành Thủy lợi, Kiến trúc, Giao thông, Muối, Ngân hàng kiến thiết, Ủy ban Hành chính các cấp có đồng muối đặc biệt ở các nơi có hệ thống thủy lợi quy mô như Nam Định, Thanh hóa Nghệ an, nhằm thực hiện tốt kế hoạch kiến thiết cơ bản hàng năm và có kế hoạch quản lý các công trình đã xây dựng.

Hà nội, ngày 21 tháng 3 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

## LIÊN NGÀNH

### NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM — HỢP TÁC XÃ MUA BÁN TRUNG ƯƠNG

**THÔNG TƯ số 123-LN-KH ngày 31-3-1958 về biện pháp quản lý tiền mặt.**

Để chấp hành nghị định số 169-TTg ngày 1-5-1952 và thông tư số 622-TTg ngày 27-11-1955 về quản lý tiền mặt, Ngân hàng quốc gia Việt nam và Hợp tác xã mua bán trung ương quy định biện pháp thực hiện quản lý tiền mặt đối với các cấp Hợp tác xã mua bán như sau :

#### MỤC I

#### MỞ TÀI KHOẢN TẬP TRUNG TIỀN MẶT VÀ SÉC VÀO NGÂN HÀNG

**Điều 1.** — Tất cả các cấp Hợp tác xã mua bán và các đơn vị kinh doanh trực thuộc độc lập hạch toán đều phải mở tài khoản gửi kinh phí, tập trung tiền mặt vào Ngân hàng.

**Điều 2.** — Các đơn vị kinh doanh độc lập hạch toán trực thuộc các cấp khi bán hàng thu được tiền mặt đều phải nộp vào Ngân hàng.

Những cửa hàng nào của Hợp tác xã mua bán ở gần địa điểm Ngân hàng có thể trực tiếp nộp tiền vào Ngân hàng để ghi vào tài khoản của Hợp tác xã. Ngân hàng và Hợp tác xã mua bán có cửa hàng nói trên phải thảo luận và quy định trước các thủ tục nộp tiền của các cửa hàng.

**Điều 3.** — Các cửa hàng và các cơ sở Hợp tác xã mua bán các cấp ở gần các chi nhánh Ngân hàng và các phòng thu, chi điểm, Phòng doanh nghiệp của Ngân hàng trong vòng 5 cây số, nếu thu ngày hôm trước thì chậm nhất ngày hôm sau phải nộp vào Ngân hàng (trừ ngày nghỉ).

**Điều 4.** — Những cửa hàng hoặc cơ sở Hợp tác xã ở xa Ngân hàng hoặc phòng thu, chi điểm, và Phòng doanh nghiệp của Ngân hàng thì quy định ngày nộp tiền vào Ngân hàng như sau :

a) Những cửa hàng và cơ sở Hợp tác xã cách Ngân hàng từ 5 đến 20 cây số thì quy định 3 ngày nộp một lần.

b) Những cửa hàng cách Ngân hàng từ 20 đến 30 cây số thì quy định 5 ngày một lần.

c) Những cửa hàng cách Ngân hàng ngoài 30 cây số quy định 7 ngày một lần.

d) Trường hợp số tiền mặt tồn quỹ đã qua mức quy định nhưng chưa đến kỳ nộp, và ngày cuối tháng thì các cơ sở và cửa hàng phải mang nộp vào Ngân hàng.

**Điều 5.** — Ngân hàng tổ chức việc đếm nhận tiền của Hợp tác xã tại các chi nhánh, chi điểm, Phòng thu doanh nghiệp, tùy theo điều kiện từng nơi thu nhận, phải có kế hoạch kịp thời ghi vào tài khoản của Hợp tác xã.

**Điều 6.** — Khi các cơ sở đem tiền đến nộp, Ngân hàng đảm bảo đếm nhận đầy đủ và nhanh chóng, chậm nhất là ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải nhận xong để ghi vào tài khoản Hợp tác xã, trừ trường hợp các cơ sở Hợp tác xã đem đến nộp không đúng lịch thì tùy khả năng kiểm ngân của Ngân hàng có thể sắp xếp kiểm nhận ngay hoặc không thì hai bên cùng niêm phong gửi tại Ngân hàng để ngày hôm sau tiếp tục kiểm nhận.

#### MỤC II

#### NGUYÊN TẮC TỌA CHI, RÚT TIỀN VÀ MỨC GIỮ TẠI QUỸ

**Điều 7.** — Để tránh bớt việc điều vận tiền mặt không hợp lý giữa các cửa hàng hợp tác xã nông thôn và ngân hàng, nay quy định những cửa hàng